

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ấp đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 (sau sắp xếp)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Công văn số 1635/BDTTG-VPQGDTMN ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc rà soát xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 80/TTr-SDTTG ngày 10 tháng 8 năm 2026 và ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tại Công văn số 3860/VP-KGVX ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 105 ấp, khóm (gọi chung là ấp) vùng đồng bào dân tộc thiểu số; trong đó có 61 ấp đặc biệt khó khăn trên địa bàn 35 xã, phường (gọi chung là xã) tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 (sau sắp xếp) theo Phụ lục I đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Phê duyệt danh sách 12 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số; trong đó, có 02 xã khu vực I, 03 xã khu vực II và 07 xã khu vực III trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Danh sách ấp, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ấp đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, II, III được phê duyệt theo Quyết định này có hiệu lực áp dụng kể từ ngày ký và được sử dụng trong giai đoạn 2026 - 2030; là căn cứ để

xác định địa bàn áp dụng các chính sách dân tộc, chính sách an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội và các chính sách khác có liên quan khác của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 4. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập báo cáo kết quả xác định, phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 báo cáo về Bộ Dân tộc và Tôn giáo để công bố trên phạm vi cả nước theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ. Đồng thời, cập nhật đầy đủ dữ liệu vào phần mềm quản lý và tổng hợp số liệu báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 02354/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND; UBNDTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KGVX (TrĐ385);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



***Ngô Vũ Thăng**

PHỤ LỤC I



DANH SÁCH ẤP VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ; ẤP ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 (SAU SẮP XẾP)

(Kèm theo Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên xã, phường	Tên ấp, khóm (sau sắp xếp)	Ấp thuộc vùng		Ấp đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
	TỔNG SỐ		105		61
1	Phường Giá Rai		5		0
-		Khóm 4	X		
-		Khóm 5	X		
-		Khóm 1A	X		
-		Khóm Hộ Phòng	X		
-		Khóm 4A	X		
2	Xã Hòa Bình		5		2
-		Ấp Tân Tiến	X		
-		Ấp Thị trấn A	X		X
-		Ấp Thị trấn A1	X		X
-		Ấp Thị Trấn B	X		
-		Ấp Chùa Phật	X		
3	Xã Vĩnh Hậu		6		5
-		Ấp 13	X		X
-		Ấp 14	X		X
-		Ấp Vĩnh Thạnh	X		X
-		Ấp Vĩnh Kiểu	X		X
-		Ấp Vĩnh Mẫu	X		X
-		Ấp Vĩnh Mới	X		
4	Phường Bạc Liêu		5		0
-		Khóm 5	X		
		Khóm 9	X		
-		Khóm 12	X		
		Khóm 13	X		

STT	Tên xã, phường	Tên ấp, khóm (sau sắp xếp)	Ấp thuộc vùng		Ấp đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
-		Khóm 18	X		
5	Phường Vĩnh Trạch		7		4
-		Khóm 2	X		
-		Khóm 3	X		
		Khóm 6	X		
-		Khóm Vĩnh An	X		X
-		Khóm Kim Cầu	X		X
		Khóm Công Điền	X		X
-		Khóm Thảo Lạn	X		X
6	Phường Hiệp Thành		8		3
-		Khóm Kinh Tế	X		
		Khóm Giồng Nhãn	X		
-		Khóm Biển Đông A	X		X
-		Khóm Biển Đông B	X		X
-		Khóm Hiệp Thành	X		
-		Khóm Biển Tây	X		
-		Khóm Giồng Giữa	X		X
-		Khóm Biển Tây B	X		
7	Xã Hưng Hội		4		0
-		Ấp Sóc Đồn	X		
-		Ấp Cái Giá	X		
-		Ấp Cả Vĩnh	X		
-		Ấp Nước Mặn	X		
8	Xã Hồng Dân		7		5
-		Ấp Bà Gông	X		X
-		Ấp Lộc Ninh	X		X
-		Ấp Trèm Trèm	X		
-		Ấp Đầu Sáu	X		
		Ấp Kinh Xáng	X		X

STT	Tên xã, phường	Tên ấp, khóm (sau sắp xếp)	Ấp thuộc vùng		Ấp đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
-		Ấp Tà Ben	X		X
-		Ấp Tà Ky	X		X
9	Xã Ninh Thạnh Lợi		7		6
-		Ấp Thống Nhất	X		
-		Ấp Chòm Cao	X		X
-		Ấp Ninh Thạnh Đông	X		X
-		Ấp Ninh Thạnh Tây	X		X
-		Ấp Kos Thum	X		X
-		Ấp Cai Giảng	X		X
-		Ấp Nhà Lầu	X		X
10	Xã Long Điền		2		2
-		Ấp Rạch Rắn	X		X
-		Ấp Đầu Lá	X		X
11	Xã Vĩnh Mỹ		3		0
-		Ấp 14	X		
-		Ấp Thanh Sơn	X		
-		Ấp Ninh Lợi	X		
12	Xã Phước Long		1		0
-		Ấp Vĩnh Lộc	X		
13	Xã Vĩnh Phước		1		1
-		Ấp Bình Bảo	X		X
14	Xã Ninh Quới		2		2
-		Ấp Phú Tân	X		X
-		Ấp Ninh Chùa	X		X
15	Xã Vĩnh Lộc		2		0
-		Ấp Vĩnh Thạnh	X		
-		Ấp Ba Đình	X		
16	Xã Vĩnh Lợi		1		0
-		Ấp Trà Ban 1	X		
17	Xã U Minh		1		1

STT	Tên xã, phường	Tên ấp, khóm (sau sắp xếp)	Ấp thuộc vùng		Ấp đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
-		Ấp Kim Đài	X		X
18	Xã Khánh Lâm		6		4
-		Ấp 1	X		X
-		Ấp 5	X		
-		Ấp 7	X		
-		Ấp 9	X		X
-		Ấp 10	X		X
-		Ấp 14	X		X
19	Xã Khánh An		1		0
-		Ấp 7	X		
20	Xã Thanh Tùng		4		4
-		Ấp Tân Điền	X		X
-		Ấp Tấn Ngọc	X		X
-		Ấp Thanh Tùng	X		X
		Ấp Hiệp Hòa	X		X
21	Xã Quách Phẩm		2		2
-		Ấp Cái Keo	X		X
-		Ấp Nhà Cũ	X		X
22	Xã Tân Tiến		2		2
-		Ấp Vàm Đàm	X		X
-		Ấp Thuận Long	X		X
23	Xã Tân Thuận		1		1
-		Ấp Lưu Hoa Thanh	X		X
24	Xã Trần Phán		1		1
-		Ấp Tân Hòa	X		X
25	Xã Đầm Dơi		1		1
		Ấp Đồng Tâm	X		X
26	Xã Tân Lộc		2		2
-		Ấp 7	X		X
-		Ấp Kênh Miếu	X		X

STT	Tên xã, phường	Tên ấp, khóm (sau sắp xếp)	Ấp thuộc vùng		Ấp đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
27	Xã Trí Phải		2		2
-		Ấp Đầu Nai	X		X
-		Ấp Tapasa I	X		X
28	Xã Hồ Thị Kỷ		2		0
-		Ấp Cây Khô	X		
-		Ấp Đường Đào	X		
29	Xã Đá Bạc		3		3
-		Ấp Đá Bạc A	X		X
-		Ấp Cơi 5	X		X
-		Ấp Cơi Tư	X		X
30	Xã Khánh Bình		1		1
-		Ấp 8	X		X
31	Xã Khánh Hưng		1		1
		Ấp Kinh Đứng	X		X
32	Xã Cái Đôi Vàm		4		4
-		Ấp 5	X		X
-		Ấp Tân Quảng Tây	X		X
-		Ấp Gò Công	X		X
-		Ấp Gò Công Đông	X		X
33	Xã Cái Nước	1	1		1
-		Ấp Khánh Tư	X		X
34	Xã Đất Mới	1	1		1
-		Ấp Xẻo Thùng	X		X
35	Phường An Xuyên	3	3		0
-		Khóm 1	X		
-		Khóm 2	X		
-		Khóm 8	X		



PHỤ LỤC II

ĐANH SÁCH XÃ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ; XÃ KHU VỰC I, II, III TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 (SAU SẮP XẾP)

(Kèm theo Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên xã, phường (gọi chung là xã)	Xã		Xã thuộc khu vực I, II, III	Số ấp vùng dân tộc thiểu số	
		DTTS	MN		Tổng số ấp	Số ấp đặc biệt khó khăn
I	TỔNG SỐ			12	105	61
	<i>Ấp vùng dân tộc thiểu số nằm ngoài xã khu vực I, II, III</i>				38	28
	<i>Xã khu vực I</i>	X		2	8	0
	<i>Xã khu vực II</i>	X		3	17	7
	<i>Xã khu vực III</i>	X		7	42	26
II	CHI TIẾT					
1	Phường Giá Rai	X		II	5	0
2	Xã Hòa Bình	X		II	5	2
3	Xã Vĩnh Hậu	X		III	6	5
4	Phường Bạc Liêu	X		I	5	0
5	Phường Vĩnh Trạch	X		III	7	4
6	Phường Hiệp Thành	X		III	8	3
7	Xã Hưng Hội	X		III	4	0
8	Xã Hồng Dân	X		II	7	5
9	Xã Ninh Thạnh Lợi	X		III	7	6
10	Xã Khánh Lâm	X		III	6	4
11	Xã Thanh Tùng	X		III	4	4
12	Phường An Xuyên	X		I	3	0